

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2020/HSST

Ngày 14/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Ty - Chức vụ: Cán bộ hưu trí

2. Bà Cầm Thị Hồng Thanh – Hiệu trưởng Trường THCS xã M, huyện Q.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lò Thị Thu Hà - Thư ký Toà án huyện Q.

Đại diện VKSND huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Lừ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST - HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2020/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo.

1/ Họ và tên: **Lò Văn N**, sinh năm 1996 tại; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Đảng phái đoàn thể: Không; Dân tộc: Thái; Con ông: Lò Văn T (bị cáo trong vụ án) và bà Bạc Thị T; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án; Có 01 tiền; Ngày 20/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 14 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2019 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Lò Văn T**, sinh năm 1964 tại; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp

7/10; Đảng phái đoàn thể: Không; Dân tộc: Thái; Con ông: Lò Văn H và bà Bạc Thị P; bị cáo có vợ là Bạc Thị T và có con.

* Luật sư: Ông Đàm Mạnh Hùng - Đoàn luật sư tỉnh Sơn La - Công tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La - Bảo vệ quyền lợi cho bị cáo Lò Văn N và Lò Văn T, có mặt.

3/ Người bị hại: Ông Vũ Xuân N, sinh năm 1958; Nơi ĐKKHKT: X1, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/9/2019 Lò Văn N, Lò Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng tạp hóa của gia đình ông Vũ Xuân N thuộc X1, xã M, huyện Q, tài sản có tổng giá trị 2.213.000đ nhằm mục đích sử dụng và bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Vật chứng thu giữ: “01 con gà trống (gà đông tảo) lông màu đen, trọng lượng 2,8kg; 01 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 03kg, 01 gói nước giặt nhãn hiệu OMO thể tích 2,3 lít; 01 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 800g; 02 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 750g, 01 chai nước rửa xả mềm vải nhãn hiệu Comfort thể tích 800ml; 01 chai nước rửa xả mềm vải nhãn hiệu Comfort thể tích 800ml; 01 hộp nhựa màu đen bên trong đựng 64 bột lửa ga nhãn hiệu HOAVIET; 01 con dao dài 35cm; 01 con dao dài 31cm.

Ngày 09/9/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Q ra quyết định trưng cầu định giá đối với toàn bộ tài sản mà bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL - HĐĐG ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q đã kết luận số tài sản Lò Văn N; Lò Văn T trộm cắp có giá trị là 2.213.000đ.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 06/9/2019 Lò Văn N điều khiển xe máy rử Lò Văn T đi từ bản K, xã C, huyện Q lên bản P, xã M thăm người ốm. Do ngại ma ma túy nên trên đường đi N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rử T “*nếu không mua được ma túy thì bố con mình tìm tài sản của người dân sơ hở thì lấy trộm*” T đồng ý. Đi đến ngã tư thuộc X1, xã M thì trời mưa, N, T vào trú mưa tại một cửa hàng tạp hóa của gia đình ông Vũ Xuân N gần ngã tư đèn xanh, đèn đỏ thuộc x2, xã M, huyện Q. Tại đây Nam quan sát thấy có 02 con gà trống (có 01 con loại gà đông tảo), 01 con ngan trong chuồng không khóa, N nhặt lấy 01 bao tải dứa dưới gầm chuồng và bắt lấy 02 con gà và 01 con ngan cho bao tải rồi túm miệng bao lại để ở hè rồi đến chỗ bàn bán hàng lục soát lấy được 01 hộp bên trong đựng 64 chiếc bột lửa cho vào bao tải, N thấy khe cửa kéo có nhiều loại bột giặt N

thò tay vào lấy ra được bột giặt, nước giặt, nước xả vải, T đi đến chỗ N hỏi “ đang làm đây”, N nói “ con đang lấy cái này”, T nói “ có camera đây không lấy được đâu”, N liền nói “không sao đâu nếu có camera thì mai Công an sẽ đến nhà thôi” T không nói gì ra đầu hè đứng cảnh giới cho N. T nhìn thấy gần đó có 01 tấm bạt che chắn giá để hàng bên trong, T liền vẫy tay ra hiệu cho N đến chỗ T, T vén tấm bạt cả hai cùng chui vào bên trong thấy một tấm bạt che phủ quầy hàng T liền lật tấm bạt lên định lấy đồ nhưng thấy có camera nên cả hai không dám và chui ra ngoài đi đến chỗ bột giặt N lấy trước đó cho vào bao tải và lấy thêm 02 con dao ở về hè cho vào bao tải, cầm ra xe để trên giá để đồ phía trước, T lên xe ngồi sau vòng tay qua eo N giữ miệng bao tải còn N điều khiển xe chở T và đồ trộm cắp được về nhà. Về nhà N thả 02 con gà và 01 con ngan ra gặm sào và mang toàn bộ tài sản còn lại lên nhà để cạnh tủ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì hành vi của Lò Văn N và Lò Văn T bị phát hiện.

Tại bản Cáo trạng số: 59/CT - VKSQN ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố đối với Lò Văn N, Lò Văn T về tội Trộm cắp tài sản - Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn N; Lò Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù. Không phạt bổ sung - phạt tiền đối với các bị cáo N và T.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Q đã thu hồi được số tài sản trả lại cho người bị hại; Chấp nhận gia đình bị cáo do bà Bạc Thị T đã bồi thường 01 con gà và 01 con ngan cho người bị hại với số tiền là 500.000đ. Người bị hại không yêu cầu gì thêm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lò Văn N; Lò Văn T tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của các bị cáo (bị cáo Tiếp) chưa có tiền án, tiền sự và điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, gia đình bị cáo có bố là Lò Văn H có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo T với mức án là từ 09 đến 12

tháng tù, cho hưởng án treo. Bị cáo N từ 12 đến 15 tháng tù giam, gia đình thuộc hộ nghèo, cận của xã C nên không phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, mà chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa những sai lầm, để giáo dục để các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo, người bị hại tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác: Đơn trình báo của người bị hại và biên bản khám nghiệm hiện trường. Kết luận định giá tài sản **“01 con gà trống (gà đông tảo) lông màu đen, trọng lượng 2,8kg có giá 765.000đ; 01 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 03kg có giá 120.000đ, 01 gói nước giặt nhãn hiệu OMO thể tích 2,3 lít có 135.000đ; 01 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 800g có giá 34.000đ; 02 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 750g có giá 67.000đ, 01 chai nước vò xả mềm vải nhãn hiệu Comfort thể tích 800ml có giá 60.000đ; 01 chai nước vò xả mềm vải nhãn hiệu Comfort thể tích 800ml có giá 63.000đ; 01 hộp nhựa màu đen bên trong đựng 64 bật lửa ga nhãn hiệu HOAVIET có giá 320.000đ; 01 con dao dài 35cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, bản rộng nhất 10cm, chuôi dao làm bằng gỗ đã qua sử dụng có giá 100.000đ; 01 con dao dài 31cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, bản rộng nhất 06cm, chuôi dao làm bằng gỗ đã qua sử dụng có giá 50.000đ; 01 con ngan đực màu lông đen có trọng lượng 3,2kg có giá 265.000đ; 01 con gà trống màu lông đen có trọng lượng 2,1kg có giá 252.000đ. Tổng giá trị là 2.213.000đ”** các bị cáo khai mục đích trộm cắp các tài sản trên để sử dụng và để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[3] Như vậy: Có đủ căn cứ kết luận: Ngày 06/9/2019 bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T có hành vi trộm cắp một số tài sản của gia đình ông Vũ Xuân N có trị giá 2.213.000đ trú tại X1, xã M, huyện Q, nhằm mục đích sử dụng và bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T đã phạm tội Trộm cắp tài sản - Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; “*Có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến kinh tế của người bị hại và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để chiếm đoạt, bị phát hiện buộc các bị cáo phải thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự do đó phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Lò Văn N là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm này nói chung.

Ngày 06/9/2019 qua xét nghiệm ma túy thì Lò Văn N dương tính với chất ma túy nên Công an xã C đã lập hồ sơ đề nghị đưa Lò Văn N vào trung tâm cai nghiện ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện Q ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở vệ tinh T trực thuộc Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Đến ngày 27/9/2019 Giám đốc Cơ Sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh đã ra Quyết định tạm đình chỉ thời gian cai nghiện số: 193/QĐ - CSDNMT đối với Lò Văn N và bàn giao Lò Văn N cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q để điều tra, truy tố Lò Văn N về hành vi trộm cắp tài sản (trước đó) theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét về nhân thân của các bị cáo:

Đối với bị cáo Lò Văn N có 01 tiền án;

+ Ngày 20/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La xử phạt 14 (mười bốn) tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự thì tiền án trên chưa được xóa án tích. Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, trở thành công tốt cho gia đình và xã hội, nhưng do lười lao động để có tiền tiêu sài, vào khoảng 0 giờ 00 phút ngày 06/9/2019 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Vũ Xuân N; trú tại X1, xã M, huyện Q với mục đích sử dụng cho bản thân và bán lấy tiền tiêu sài

cá nhân, Thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các bị cáo tích cực bồi thường thiệt hại cho người bị hại, hành vi của các bị cáo gây thiệt hại không lớn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm phần nào trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với bị cáo Lò Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả (*trả tiền cho số tài sản trộm cắp “gà, ngan” bị sống mất*) cho người bị hại. Người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s và b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS - Do vậy, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm này nói chung, bị cáo Lò Văn T có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

[8] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, cơ quan Công an đã xác minh các bị cáo hiện nay đang sống phụ thuộc vào nghề trồng trọt, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận gia đình bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T đã bồi thường cho ông Vũ Xuân N tiền tài sản bị mất “gà, ngan” với số tiền là 500.000đ, tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu gì thêm.

[10] Vật chứng vụ án: 01 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 03kg có giá 120.000đ, 01 gói nước giặt nhãn hiệu OMO thể tích 2,3 lít có 135.000đ; 01 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 800g có giá 34.000đ; 02 gói bột giặt nhãn hiệu OMO, khối lượng 750g có giá 67.000đ, 01 chai nước vò xả mềm vải nhãn hiệu Comfort thể tích 800ml có giá 60.000đ; 01 chai nước vò xả mềm vải nhãn hiệu Comfort thể tích 800ml có giá 63.000đ; 01 hộp nhựa màu đen bên trong đựng 64 bật lửa ga nhãn hiệu HOAVIET có giá 320.000đ; 01 con dao dài 35cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, bản rộng nhất 10cm, chuôi dao làm bằng gỗ đã qua sử dụng có giá 100.000đ; 01 con dao dài 31cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, bản rộng nhất 06cm, chuôi dao làm bằng gỗ đã qua sử dụng có giá 50.000đ; 01 con ngan đực màu

lông đen có trọng lượng 3,2kg có giá 265.000đ; 01 con gà trống màu lông đen có trọng 2,1kg có giá 252.000đ. Tổng giá trị là 2.213.000đ mà các bị cáo chiếm đoạt là tài sản thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Vũ Xuân N; Nên ngày 05 tháng 11 năm 2019 Công an huyện Q đã trả cho ông Vũ Xuân N là chủ sở hữu để quản lý sử dụng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với 01 chiếc xe máy BKS 26B2 – 223.11qua điều tra xác minh chiếc xe máy trên thuộc quyền sở hữu của Lò Văn K (anh trai của N; con trai của T) việc N lấy xe đèo T đi thực hiện hành vi phạm tội, K không biết biết (K đi làm thuê tại Hà nội). Ngày 18/10/2019 Lò Văn K có đơn xin lại tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tiến hành trả lại xe cho Lò Văn K để quản lý sử dụng là có căn cứ.

Các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. *(Vì gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo có Giấy xác nhận của UBND xã C, huyện Q).*

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn N; Lò Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, b, h khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/9/2019.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, b, h khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/02/2020).

Giao bị cáo Lò Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 299 và Điều 328 Của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo Lò Văn T đang tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một phạm khác.

Không phạt tiền đối với các bị cáo.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận gia đình bị cáo Lò Văn N; Lò Văn T đã bồi thường 500.000VNĐ cho gia đình ông Vũ Xuân N.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Các bị cáo Lò Văn N; Lò Văn T được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lò Văn N; Lò Văn T, Luật sư và người bị hại ông Vũ Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 14/02/2020./.

Nơi nhận:

- TA ND Tỉnh
- VKSND (02)
- Công an (02)
- THA hình sự
- THA dân sự
- UBND xã C
- Các bị cáo
- Người bị hại
- L- u án văn
- L- u hồ sơ.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Hoàng